

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG: CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ 2030 CỦA LIÊN HỢP QUỐC VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA VIỆT NAM

Th.S. Nguyễn Thị Thanh Nga*

Tóm tắt: 2015 là năm cuối cùng trong việc thực hiện Những mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MGDs), song, hiện nay nhiều mục tiêu vẫn chưa đạt được. Để tiếp tục giải quyết những thiếu hụt và đẩy mạnh những thành tựu đã đạt được trong việc thực hiện MGDs, Liên hợp quốc (LHQ) đã tiến hành xây dựng Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (PTBV) để triển khai thực hiện trên phạm vi toàn cầu. Bài viết tập trung trình bày một số nội dung: (i) Lý giải sự cần thiết cũng như tóm tắt những thông tin chính về tiến trình của việc xây dựng Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV của LHQ, (ii) Sự tham gia, đóng góp của Việt Nam vào quá trình xây dựng Chương trình nghị sự 2030 vì PTBV, (iii) Một số vấn đề liên quan đến tình hình thực hiện PTBV ở Việt Nam trong thời gian qua.

Từ khóa: Phát triển bền vững; Chương trình nghị sự 2030; thể chế; chính sách.

1. Sự cần thiết và tiến trình xây dựng Chương trình nghị sự 2030 của LHQ vì PTBV

1.1. Sự cần thiết

Vào năm 2000, các nguyên thủ quốc gia trên thế giới đã long trọng cam kết sẽ chặn đứng tình trạng nghèo cùng cực vào năm 2015 với một kế hoạch mang tầm vóc toàn cầu với tên gọi Những Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MGDs). Nhờ nỗ lực của hàng triệu người trên khắp các lục địa và những hành động cụ thể với quy mô to lớn, những thành tựu thực sự đã được thực hiện. Số người sống trong nghèo đói trên thế giới so với năm 1990 đã giảm

xuống hơn phần nửa. Hơn hai triệu người đã được tiếp cận với nguồn nước uống an toàn hơn. Việt Nam cũng đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện MGDs.

Tuy thế, 1,4 tỷ người hiện vẫn đang phải sống trong nghèo cùng cực. Cứ bốn giây lại có một đứa trẻ chết vì những nguyên nhân có thể phòng tránh được và có hơn 900 triệu người, đặc biệt là phụ nữ và thanh niên vẫn đang phải chịu đói triền miên. Thay đổi khí hậu đe dọa, phá hủy cuộc sống của hàng triệu người và tương phản với những thành tựu đã đạt được, tình trạng bất bình đẳng ngày càng gia tăng ở nhiều khu vực trên thế giới.

Để tiếp tục giải quyết những thiếu hụt và đẩy mạnh những thành tựu đã đạt được trong

* Bộ Kế hoạch và Đầu tư.



việc thực hiện MGDs, các quốc gia thành viên LHQ thống nhất tiến hành xây dựng một Chương trình nghị sự phát triển mới cho giai đoạn sau 2015. Chương trình này được xem là kim chỉ nam cho các hoạt động hợp tác phát triển và định hướng cho việc thực hiện PTBV trên phạm vi toàn cầu cho giai đoạn 2015-2030.

1.2. Tiến trình xây dựng Chương trình nghị sự 2030 của LHQ và PTBV

Việc xây dựng Chương trình nghị sự phát triển (cuối cùng được lấy tên là Chương trình nghị sự 2030 vì PTBV) đã được tiến hành thông qua hai tiến trình quan trọng song song, đó là: (i) Xây dựng Chương trình nghị sự phát triển sau 2015; và (ii) Xây dựng Các mục tiêu PTBV (SDGs). Mục tiêu của hai tiến trình này là hình thành một Chương trình nghị sự phát triển sau 2015 của LHQ với các mục tiêu PTBV là trọng tâm. Đây là hai tiến trình đang nhận được sự quan tâm của đông đảo các quốc gia thành viên LHQ, các tổ chức xã hội dân sự và tất cả các bên liên quan khác.

1.2.1. Về tiến trình xây dựng Các mục tiêu PTBV (SDGs)

Tại Hội nghị LHQ về PTBV năm 2012 (Rio+20), các quốc gia thành viên đã đồng ý việc xây dựng Các mục tiêu PTBV (SDGs) dựa trên Những Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MGDs) và sẽ được tích hợp với Chương trình nghị sự phát triển sau 2015.

Tại Hội nghị Rio+20, các nước thành viên đã thống nhất rằng, SDGs cần phải: Dựa trên Chương trình nghị sự 21 toàn cầu và Kế hoạch thực hiện Jonhannes-burg; tôn trọng tất cả các nguyên tắc của Rio; phù hợp với luật pháp quốc tế; dựa trên những cam kết đã có; góp phần thực hiện những cam kết tại các Hội nghị thượng

đỉnh lớn về các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường; tập trung vào những lĩnh vực trọng tâm để đạt được PTBV; kết hợp một cách hài hòa ba khía cạnh của PTBV; gắn kết và tích hợp với Chương trình nghị sự phát triển sau 2015 của LHQ; không làm chệch hướng trọng tâm hoặc nỗ lực đạt được Những Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MGDs); có sự tham gia phù hợp của tất cả các bên liên quan.

Một Nhóm làm việc mở (OWG) về các mục tiêu PTBV đã được thành lập vào tháng 1 năm 2013 bao gồm 30 thành viên thuộc 30 quốc gia khác nhau. Công việc của Nhóm được tổ chức thành hai giai đoạn chính. Giai đoạn thứ nhất tập trung vào tập hợp quan điểm của các chuyên gia, các quốc gia thành viên và các bên liên quan khác, được diễn ra từ cuộc họp đầu tiên vào tháng 3 năm 2013 cho đến cuộc họp lần thứ 8 vào tháng 2 năm 2014, trong giai đoạn này, các thành viên của Nhóm bàn bạc kỹ lưỡng về các chủ đề chính, bao gồm các chủ đề đã được xác định tại Khung hành động cho Văn kiện Hội nghị Rio+20 và bằng cách nào họ có thể phản ánh việc thiết lập bộ các chỉ tiêu PTBV (SDGs). Giai đoạn thứ hai diễn ra từ tháng 2 đến tháng 9 năm 2014, trong đó OWG chuẩn bị một bản báo cáo đề xuất các mục tiêu PTBV trình Khóa họp lần thứ 68 của Đại Hội đồng.

Quá trình xây dựng Các mục tiêu PTBV kết thúc vào đầu năm 2015 và một tập hợp gồm 17 mục tiêu PTBV đã được các nước thông qua gồm:

1. Xóa bỏ đói nghèo dưới mọi hình thức ở mọi nơi;
2. Xóa đói, đạt được an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy nông nghiệp bền vững;
3. Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy hạnh phúc cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi;

4. Bảo đảm giáo dục công bằng, chất lượng, toàn diện và tăng cường cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người;

5. Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái;

6. Bảo đảm tính sẵn có và quản lý bền vững nước và vệ sinh cho tất cả mọi người;

7. Bảo đảm sự tiếp cận nguồn năng lượng có giá cả phải chăng, tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người;

8. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục, tạo công việc đầy đủ và năng suất và việc làm phù hợp cho tất cả mọi người;

9. Xây dựng cơ sở hạ tầng bền vững, thúc đẩy công nghiệp hóa toàn diện, bền vững và khuyến khích đổi mới;

10. Giảm bất bình đẳng giữa các quốc gia;

11. Hình thành các thành phố và nơi định cư của con người toàn diện, an toàn và bền vững;

12. Bảo đảm mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững;

13. Hành động khẩn cấp chống biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu;

14. Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lực biển vì sự phát triển bền vững;

15. Bảo vệ, phục hồi và sử dụng bền vững các hệ sinh thái đất, quản lý rừng bền vững, chống lại tình trạng sa mạc hóa, ngăn chặn và đảo ngược tình trạng suy thoái môi trường và chấm dứt những tổn thất về đa dạng sinh học;

16. Thúc đẩy các xã hội hòa bình và toàn diện vì PTBV, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm và toàn diện ở tất cả các cấp;

17. Tăng cường các phương thức triển khai và làm mới mối quan hệ đối tác toàn cầu vì PTBV.

Đây là kết quả đạt được sau quá trình làm việc và thương lượng kéo dài 18 tháng của Nhóm làm việc mở (OWG).

1.2.2. Tiến trình xây dựng Chương trình nghị sự phát triển sau 2015

Vào năm 2010, tại Hội nghị thượng đỉnh MDGs đánh giá 10 năm thực hiện MDGs toàn cầu, các quốc gia thành viên đã quyết định tiến hành một tiến trình xây dựng Chương trình nghị sự phát triển sau 2015 nhằm tiếp nối và thúc đẩy những thành quả đã đạt được của việc thực hiện MDGs sau khi đánh giá rằng, mặc dù thời hạn của việc thực hiện MGDs đã sắp kết thúc, song hầu hết các mục tiêu của MDGs vẫn chưa đạt được và trong số đó sẽ có nhiều mục tiêu không thể đạt được.

Chương trình nghị sự mới phải được xây dựng dựa trên kết quả của những quá trình quan trọng, đặc biệt là Hội nghị Rio+20 và dựa trên kinh nghiệm của các quốc gia đã đạt được MDGs. Chương trình này cũng phản ánh được những thách thức mới về phát triển, lấy việc chống nghèo đói và thúc đẩy PTBV làm cốt lõi.

Tổng Thư ký LHQ đã nhấn mạnh đến yêu cầu cần tiến hành những tham vấn, thảo luận rộng rãi, minh bạch và bao gồm tất cả mọi người để đảm bảo rằng, Chương trình nghị sự phát triển mới được thông báo và lấy ý kiến của tất cả cư dân ở khắp mọi nơi trên thế giới, cũng như mọi thành phần trong xã hội. Một phần của quy trình này bao gồm những tham vấn trên quy mô rộng lớn với sự tham gia của các Chính phủ, xã hội dân sự, khối kinh tế tư

nhân, các viện nghiên cứu, học viện tại các khu vực trên thế giới. Thêm vào đó, cho tới đầu năm 2013, các tham vấn với quy mô quốc gia đã được thực hiện tại ít nhất 50 nước, bao gồm cả Việt Nam. Theo lộ trình, các cuộc tham vấn kết thúc vào tháng 9 năm 2013.

Chương trình đã được xây dựng thông qua tham vấn không chính thức của Đại hội đồng LHQ. Chủ tịch Đại hội đồng đã bổ nhiệm hai đồng hỗ trợ để dẫn dắt những tham vấn không chính thức này. Quá trình xây dựng Chương trình nghị sự có sự tham gia của tất cả các bên, bao gồm tất cả các quốc gia thành viên, các nhóm chính và các tổ chức xã hội dân sự khác. Đầu vào quan trọng nhất của Chương trình nghị sự là tập hợp các mục tiêu PTBV (SDGs) được đề xuất bởi OWG, Báo cáo của Ủy ban liên chính phủ về tài chính cho PTBV, các cuộc đối thoại của Đại hội đồng về tạo thuận lợi cho công nghệ và nhiều đề xuất khác.

1.2.3. Thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV

Tại cuộc họp thượng đỉnh của LHQ về PTBV được tổ chức tại New York, Mỹ, đại diện nguyên thủ của các quốc gia thành viên đã thống nhất thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV vào đúng thời điểm kết thúc của Chương trình Mục tiêu thiên niên kỷ (MGDs). Sự ra đời của Chương trình là thành quả lớn lao của các quốc gia thành viên LHQ, dựa trên hai tiến trình song song được triển khai rộng khắp trên phạm vi toàn cầu, khu vực và quốc gia.

Chương trình Nghị sự 2030 vì sự PTBV đã đưa ra tầm nhìn cho giai đoạn phát triển 15 năm tới với 17 mục tiêu PTBV và 169 chỉ tiêu, định hướng phương thức thực hiện, các quan hệ đối tác toàn cầu và các hành động tiếp nối.

17 mục tiêu PTBV được xây dựng dựa trên một quá trình đàm phán liên chính phủ và đề xuất của Nhóm làm việc mở (OWG) về Các mục tiêu PTBV được thành lập từ sau Hội nghị Rio+20. Các mục tiêu và các chỉ tiêu PTBV là không thể tách biệt, mang tính toàn cầu và có thể áp dụng ở mọi nơi, có tính đến sự khác nhau về điều kiện, khả năng và trình độ phát triển của các quốc gia và tôn trọng các ưu tiên và chính sách của quốc gia. Các mục tiêu được xem như là định hướng mang tính toàn cầu và mỗi quốc gia sẽ đặt ra các mục tiêu phù hợp theo định hướng toàn cầu và xem xét tới bối cảnh của quốc gia. Các quốc gia cũng sẽ phải quyết định cách thức lồng ghép những chỉ tiêu PTBV toàn cầu vào quá trình lập kế hoạch và xây dựng các chiến lược, chính sách của quốc gia.

2. Phát triển bền vững ở Việt Nam

2.1. Sự tham gia của Việt Nam vào tiến trình Chương trình nghị sự 2030 của LHQ vì PTBV

Nhằm tham gia tích cực vào công cuộc chung của toàn cầu, Việt Nam đã thành lập Nhóm công tác liên ngành tại Quyết định 1459/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Nhóm công tác bao gồm đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Chính phủ, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Ngoại giao trong việc xây dựng Chương trình nghị sự phát triển của LHQ sau 2015 và Các mục tiêu PTBV vào tháng 10 năm 2013. Nhiệm vụ của Nhóm công tác liên ngành là theo dõi quá trình thảo luận xây dựng Chương trình nghị sự phát triển của LHQ sau 2015 và Các mục tiêu PTBV; xây dựng quan điểm cụ thể của Việt Nam về các vấn đề nội dung, đề xuất các ưu tiên, định

hướng chung phù hợp với lợi ích của Việt Nam; xây dựng khung Chương trình phát triển sau 2015 của Việt Nam phù hợp với định hướng của LHQ.

Trong quá trình xây dựng Chương trình nghị sự 2030 vì PTBV, Việt Nam cũng đã tích cực tham gia các cuộc họp của LHQ và các cuộc hội thảo, diễn đàn, đối thoại quốc tế, khu vực và đã có nhiều đóng góp tích cực tại các sự kiện đó. Tại các diễn đàn, hội nghị, Việt Nam nêu bật quan điểm là Chương trình nghị sự phát triển của LHQ sau 2015 cũng như các mục tiêu PTBV cần được xây dựng một cách toàn diện, áp dụng cho các nước, nhưng có điều chỉnh và phù hợp với từng nước, tính đến những tiến trình khác nhau đang diễn ra và phải có sự tham gia chủ động, đầy đủ của tất cả các nước thành viên LHQ và cần tăng cường các biện pháp thực hiện cho Chương trình nghị sự phát triển của LHQ sau 2015.

Việt Nam đã cử đoàn do Chủ tịch nước Trương Tấn Sang dẫn đầu tham dự Hội nghị thượng đỉnh về PTBV của LHQ diễn ra từ ngày 25-27 tháng 9 năm 2015 để thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì PTBV. Tại Hội nghị, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã khẳng định: Việt Nam ủng hộ và cam kết sẽ tập trung mọi nguồn lực cần thiết, huy động tất cả các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cộng đồng và người dân để thực hiện thành công Chương trình nghị sự 2030 và tất cả các Mục tiêu PTBV.

2.2. Tình hình thực hiện PTBV ở Việt Nam trong thời gian qua

2.2.1. Phát triển thể chế, chính sách

Quan điểm PTBV của Việt Nam đã được khẳng định, đặc biệt rõ nét trong Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000; Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25 tháng 6 năm 1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ

môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và được tái khẳng định trong các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X và XI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 cũng nhấn mạnh “Phát triển nhanh gắn liền với PTBV, PTBV là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược”. PTBV đã trở thành đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Để thực hiện mục tiêu PTBV đất nước, Chính phủ Việt Nam đã ban hành “Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam” (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam) và Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Sau khi Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020 được ban hành vào năm 2012, các Bộ, ngành đã ban hành chương trình/kế hoạch hành động PTBV: Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bộ Quốc phòng; Bộ Công thương; Bộ Giao thông vận tải. Các địa phương đã ban hành chương trình/kế hoạch hành động PTBV.

Bên cạnh đó, hàng loạt các chính sách đã được ban hành trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường và thực hiện các cam kết quốc tế về PTBV mà Việt Nam đã ký kết, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các định hướng ưu tiên về PTBV mà Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam và Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã đưa ra.

Hệ thống tổ chức

Hội đồng PTBV quốc gia đã được thành lập vào năm 2009 (theo Quyết định số 1032/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ). Hiện nay, Hội đồng có tên là Hội đồng quốc gia về PTBV và Nâng cao năng lực cạnh tranh (theo Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 31/05/2012 của Thủ tướng Chính phủ). Hội đồng có chức năng tham mưu,

tư vấn giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo về các vấn đề liên quan đến PTBV và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Hệ thống tổ chức thực hiện PTBV cũng được thành lập tại các Bộ, ngành và địa phương. Đến nay, một số Bộ, ngành (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Ngân hàng nhà nước) và các địa phương (Lạng Sơn, Phú Thọ, Sơn La, Yên Bái, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nội, Quảng Ninh, Hà Nam, Hải Phòng, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Phước, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Cà Mau, Bạc Liêu) đã thành lập Ban chỉ đạo hoặc Hội đồng PTBV để chỉ đạo triển khai thực hiện Định hướng chiến lược PTBV ở Việt Nam.

Văn phòng PTBV quốc gia đã được thành lập ngày 28/6/2004, đặt tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư và là cơ quan giúp việc cho Hội đồng PTBV quốc gia. Ở cấp Bộ và địa phương, Văn phòng PTBV cũng được thành lập với chức năng tương tự ở cấp của mình.

2.2.2. Lồng ghép PTBV trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển ngành

Trong quá trình thực hiện PTBV, các nguyên tắc và mục tiêu PTBV quốc tế đã được cụ thể hóa phù hợp với điều kiện của Việt Nam và được lồng ghép vào những chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia cũng như của các Bộ, ngành và địa phương trong đó gắn kết các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế, xã hội, môi trường. Điều đó đã được thể hiện trong Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, 2011 - 2015. Các kế hoạch này đã cụ thể hóa quan điểm phát triển trên, đưa ra lộ trình và chính sách cụ thể nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của Chiến

lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia. Các văn kiện chiến lược này là nền tảng cho quá trình xây dựng một hệ thống nhiều chiến lược, kế hoạch phát triển ngành và thực hiện 19 lĩnh vực ưu tiên về kinh tế, xã hội, môi trường của Chương trình nghị sự 21 Việt Nam.

Năm 2012, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đã được ban hành, trong đó, đã khẳng định, tăng trưởng xanh là một nội dung của PTBV. Hiện nay, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đang được tích cực triển khai thực hiện thông qua việc xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh và một loạt các chương trình, nhiệm vụ cụ thể có liên quan đến tất cả các ngành, lĩnh vực.

2.2.3. Sự tham gia của các bên liên quan trong thực hiện PTBV ở Việt Nam

Quá trình thực hiện PTBV ở Việt Nam là quá trình có sự tham gia của các bên liên quan bao gồm Chính phủ, các tổ chức xã hội dân sự và cộng đồng doanh nghiệp bao gồm cả Nhà nước và tư nhân.

Huy động toàn dân tham gia thực hiện PTBV là nét đặc trưng trong tổ chức thực hiện Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam theo phương châm PTBV là sự nghiệp của toàn dân. Quá trình hoạch định và thực hiện các chính sách phát triển phải được toàn dân tham gia theo phương thức "dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra".

Trong PTBV, Việt Nam luôn giữ quan điểm nhất quán *con người* vừa là mục tiêu vừa là chủ thể của phát triển. Do đó, thực hiện dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực và là một thành tố của PTBV, vì cho phép phát huy nguồn lực con người như là lợi thế cạnh tranh dài hạn, là yếu tố quyết định sự phát triển của một quốc gia. Thực hành dân chủ rộng rãi sẽ phát huy khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân,

đóng góp vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Dân chủ càng cao thì đồng thuận xã hội càng sâu, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được củng cố vững chắc.

2.2.4. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực

2.2.4.1. Về kinh tế

Thành tựu

Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong số các nước đang phát triển đã đạt được những thành tựu nổi bật trong cải cách kinh tế hướng tới tăng trưởng và giảm nghèo. Trong mười năm gần đây, kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá nhanh và tương đối ổn định. Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm đạt 7,85% trong giai đoạn 2000 - 2008. Quy mô của nền kinh tế và năng lực sản xuất các ngành đều tăng. GDP tính theo giá so sánh năm 2010 gấp hơn 2 lần so với năm 2000. GDP theo giá thực tế tính bằng USD ước đạt 101,6 tỷ USD, gấp hơn 3,2 lần năm 2000. GDP bình quân đầu người năm 2011 là trên 1.200 USD theo giá danh nghĩa, tăng gấp 3 lần so với năm 2000. Việt Nam đã từ vị trí nhóm nước nghèo bước sang nhóm nước có mức thu nhập trung bình.

Về nông nghiệp, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nổi bật là sản xuất lương thực, thủy sản, cây công nghiệp. Việt Nam đã vươn lên từ một nước thiếu lương thực trở thành một nước không những có đủ lương thực cho tiêu dùng trong nước với mức tăng dân số mỗi năm khoảng một triệu người, bảo đảm được an ninh lương thực quốc gia, mà còn là nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai trên thế giới. Cơ cấu ngành kinh tế đã có sự thay đổi mạnh, từ một nước có tỷ trọng nông nghiệp trên 40% GDP hai mươi năm trước, nay giảm xuống còn 20%, tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ đã chiếm tới 80% GDP. Các vùng kinh tế cũng được phát triển mạnh mẽ. Trong quá trình này, cùng với cải cách khu vực nhà nước, khu vực kinh tế

tư nhân trong và ngoài nước cũng đã được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh (hiện sản xuất đến 2/3 GDP cả nước và chiếm phần lớn lực lượng lao động trong nền kinh tế) với sức cạnh tranh ngày càng cao.

Trong quá trình cải cách thị trường và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, khai thác các cơ hội thị trường quốc tế để thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu. Gần 30 năm Đổi mới, Việt Nam đã có quan hệ thương mại với gần 200 quốc gia, vùng lãnh thổ; đã ký hơn 90 hiệp định kinh tế về thương mại song phương và trên 84 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam trong đó có nhiều hiệp định thương mại thế hệ mới như Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư trong và ngoài nước và khai thác các nguồn tài nguyên thô, tỷ lệ giá trị gia tăng của sản phẩm xuất khẩu còn thấp, sức cạnh tranh chưa cao cả trên thị trường trong và ngoài nước. Năng suất lao động xã hội còn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Hàm lượng khoa học và đổi mới công nghệ trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp còn ở mức rất hạn chế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn rất thấp. Chưa kết hợp thật nhuần nhuyễn giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội bảo vệ tài nguyên và môi trường.... Tăng trưởng trong nhiều lĩnh vực kinh tế chủ yếu dựa vào xuất khẩu tài nguyên thô, hoặc công nghiệp gia công với tỷ lệ giá trị gia tăng thấp.

2.2.4.2. Về xã hội

Thành tựu

Công tác xoá đói giảm nghèo, dân số và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân, giáo dục - đào tạo và tạo việc làm cho người lao động đều đạt được những thành tựu bước đầu đáng khích lệ. An sinh xã hội được chú trọng nhằm đảm bảo ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân, đặc biệt trong tình hình lạm phát cao, nhiều thiên tai. Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học theo chuẩn phổ cập của quốc gia vào năm 2000, chất lượng giáo dục dần được nâng cao. Tỷ lệ nghèo giảm mạnh từ 28,9% năm 2002 xuống còn 9,45% năm 2010, bình quân cả nước mỗi năm giảm 2% số hộ nghèo.

Dân số Việt Nam tính đến tháng 12 năm 2013 là 90 triệu và dự kiến dân số năm 2015 là 91,3 triệu người, đạt mục tiêu đề ra dưới 93 triệu người. Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai của cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ tiếp tục ở mức cao. Các mô hình, giải pháp can thiệp nhằm nâng cao chất lượng dân số về thể chất tiếp tục được thử nghiệm và triển khai mở rộng.

Trong công tác quản lý, lãnh đạo, phụ nữ ngày càng bình đẳng hơn trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vị trí lãnh đạo ở các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp. Số lượng cán bộ, công chức nữ trong các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp huyện tới Trung ương chiếm khoảng 31,1%, ở cấp xã, cán bộ chuyên trách là nữ chiếm 16,27% trong tổng số cán bộ chuyên trách, do đó phụ nữ đã có tiếng nói trong phát triển kinh tế - xã hội cấp cơ sở.

Hạn chế

Tình trạng tái nghèo ở một số vùng như vùng núi cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số,

vùng bị thiên tai vẫn còn cao. Giải quyết việc làm chưa tạo được sự bứt phá về năng suất lao động, chưa tạo được nhiều việc làm bền vững, tỷ lệ thất nghiệp thanh niên còn cao. Thị trường lao động chưa phát triển đồng bộ. Ở nông thôn, tình trạng thiếu việc làm còn trầm trọng, tiềm ẩn nguy cơ thất nghiệp, nhất là ở các khu vực đô thị hóa, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Cơ cấu dân số biến động mạnh, mất cân bằng giới tính khi sinh ngày càng nghiêm trọng. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều bất cập; sản xuất, quản lý và sử dụng thuốc chữa bệnh còn nhiều yếu kém, thiếu sót. Tình hình ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm vẫn còn cao, chưa có khả năng kiểm soát. Hệ thống an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội đang trong quá trình phát triển nên chưa bao phủ rộng khắp, đặc biệt là khu vực nông thôn và khu vực phi kết cấu. Hệ thống giáo dục quốc dân chưa đồng bộ, chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước trong điều kiện hội nhập.

2.2.4.3. Về tài nguyên và môi trường

Thành tựu

Nhận thức về bảo vệ môi trường (BVMT) và PTBV đã được nâng lên. Vấn đề BVMT đã được lồng ghép vào các chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước.

Hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT đã được xây dựng khá đầy đủ và toàn diện với các văn bản khung là Luật BVMT năm 2005 và Luật Đa dạng sinh học (ĐDSH) năm 2008 được ban hành. Hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành đang ngày càng được hoàn thiện. Pháp luật về Đất đai, Tài nguyên nước, Bảo vệ và phát triển rừng, Thủy sản, Hóa chất, Khoáng sản... đang dần được bổ sung, sửa đổi trong thời gian qua quy định đầy đủ, cụ thể hơn về

BVMT. Việt Nam đã xây dựng “Kế hoạch Hành động quốc gia về ĐDSH đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 thực hiện công ước ĐDSH và Nghị định thư Cartagena về An toàn sinh học”. Theo đó, hàng loạt các quy hoạch hệ thống các khu bảo tồn ĐDSH, đã được xây dựng và thực thi.

Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về BVMT từ Trung ương đến địa phương đã từng bước được kiện toàn và đi vào hoạt động ổn định. Bộ Tài nguyên và Môi trường được thành lập (2002), với chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Tại các Bộ, ngành chủ chốt đều có Vụ Môi trường hoặc bộ phận quản lý về môi trường. Hầu hết các tỉnh, thành phố đã thành lập Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Đã có 672/674 quận, huyện trên cả nước thành lập phòng Tài nguyên và Môi trường (trừ huyện đảo Bạch Long Vĩ và Trường Sa). Ở hầu hết các xã, phường đều đã có cán bộ địa chính kiêm nhiệm công tác BVMT. Ở nhiều doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ban quản lý khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh,... cũng đã thành lập các phòng, ban, bộ phận hoặc bố trí cán bộ chuyên trách về môi trường.

Kinh phí cho công tác BVMT đã được tăng cường. Chi ngân sách cho BVMT đã tăng dần trong những năm qua, đạt 1% tổng chi ngân sách và đến năm 2010 đạt khoảng 6.000 tỷ đồng, gấp ba lần so với năm 2004. Trong giai đoạn 2000-2009 đã huy động được nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho BVMT đạt khoảng 3,2 tỷ USD (bao gồm cả lâm nghiệp, cấp thoát nước, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường), trong đó vốn vay đạt khoảng 2,4 tỷ USD, viện trợ không hoàn lại đạt khoảng 0,79 tỷ USD.

Nhiều nội dung về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và bảo tồn ĐDSH đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Việc lồng ghép các vấn đề về môi trường từ giai đoạn lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và giai đoạn chuẩn bị đầu tư các dự án đã góp phần hạn chế và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Một số dự án lớn có tiềm năng gây ô nhiễm đã bị từ chối cấp phép đầu tư. Việt Nam đã huy động nhiều nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho 76% dân số đô thị.

Về tỷ lệ che phủ rừng, nếu tính riêng độ che phủ của cây rừng thì có khả năng không đạt mục tiêu 42 - 43% vào năm 2015; nhưng nếu tính cả các loại cây công nghiệp, cây đặc sản trồng trên đất lâm nghiệp và có tán che giống cây rừng thì ước tỷ lệ che phủ đạt khoảng 42% vào năm 2015.

Hạn chế

Công tác BVMT còn nhiều mặt yếu kém; tài nguyên thiên nhiên vẫn đang bị khai thác lãng phí và sử dụng kém hiệu quả, các vấn đề môi trường như ô nhiễm môi trường nước, không khí; suy giảm ĐDSH; tỷ lệ thu gom chất thải rắn chưa đạt yêu cầu, khai thác khoáng sản bừa bãi gây bức xúc trong nhân dân. Hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT còn chưa đồng bộ và chưa theo kịp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Về chế tài xử phạt các vi phạm pháp luật về môi trường chưa đủ mạnh để xử phạt và răn đe các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Lực lượng cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường còn thiếu và yếu về chất lượng. Nhận thức về BVMT và PTBV ở các cấp, các ngành và nhân dân chưa đầy đủ. Tình trạng vi phạm pháp luật về BVMT, quản lý tài nguyên vẫn đang diễn ra tương đối phổ biến. Trong tương lai, Việt Nam là một trong những nước chịu tác động tiêu cực mạnh mẽ nhất của

biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng và thường xuyên bị thiên tai, làm cho việc đảm bảo môi trường bền vững đòi hỏi nỗ lực hơn nhiều trong thời gian tới. Việc đảm bảo bền vững về môi trường là thách thức lớn đối với Việt Nam ở tất cả các khía cạnh về môi trường. Nỗ lực của một quốc gia riêng lẻ là chưa đủ, nhất là khi quá trình công nghiệp hóa đi sâu, thì chi phí để phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và tình trạng nước biển dâng cần phải có sự hợp tác chặt chẽ của nhiều nước.

Kết luận

Đánh giá một cách tổng thể, trong thời gian qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu

nhất định trong việc thực hiện PTBV trên các khía cạnh thể chế, chính sách và các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường. Tuy nhiên, những thành tựu đạt được chưa thật sự tương xứng với tiềm năng. Nền tảng để Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa được hình thành đầy đủ.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã tham gia rất tích cực và có những đóng góp, tiếng nói đáng kể trong khu vực và quốc tế góp phần vào việc ra đời thành công của Chương trình nghị sự 2030 vì PTBV. Qua đó, khẳng định Việt Nam luôn cam kết mạnh mẽ đối với toàn cầu trong việc thực hiện PTBV, đóng góp cho sự phát triển chung của nhân loại.

Tài liệu tham khảo chính

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013). *Quyết định 1459/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thành lập Nhóm công tác liên ngành về Chương trình nghị sự phát triển sau 2015 và Các mục tiêu phát triển bền vững*, Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014). *Báo cáo Phát triển bền vững năm 2013*, tháng 1, Hà Nội.
3. <http://www.un.org.vn/vi/what-we-do-mainmenu-203/mdgs/post-2015-development-agenda.html>.
4. <https://sustainabledevelopment.un.org/post2015>.
5. <https://sustainabledevelopment.un.org/topics/sustainabledevelopmentgoals>.
6. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012). *Thực hiện PTBV ở Việt Nam*. Báo cáo quốc gia của Việt Nam tại Hội nghị Rio+20, tháng 5, Hà Nội.